TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2022/HNGĐ -ST
Ngày: 14 - 7 -2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Sơn và ông Nguyễn Xuân Thịnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 09/3/2022 và tại phiên toà chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn S tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Anh S thường xuyên đánh đập chị T khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay và không có biện pháp nào để hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã

đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn S có 03 người con chung tên Trần Thúy P, sinh ngày 09/4/2007, Trần Thúy K, sinh ngày 16/4/2009 và Trần Tú U, sinh ngày 01/10/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Tú U. Giao 02 con chung tên Trần Thúy P và Trần Thúy K cho anh Trần Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Trần Văn S cố tình không hợp tác với Tòa án, mặc dù anh S đã trực tiếp đến tòa án nhưng không nhận văn bản tố tụng do tòa án tống đạt, tòa án đã phối hợp với Công an địa phương để tống đạt văn bản tố tụng nhưng anh S cố tình không hợp tác, không nhận các văn bản do tòa án tống đạt, không gửi văn bản phản hồi việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp lời khai cho tòa án. Việc cấp, gửi Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Thông báo phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Trần Văn S cũng không đến phiên tòa.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 27/4/2022, cháu Trần Thúy P và Trần Thúy K là con trên 07 tuổi của chị T và anh S trình bày nguyện vọng muốn được anh Trần Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nếu bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Văn S. Anh Trần Văn S là bị đơn đang cư trú tại thôn 8, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Trần Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn S.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn S tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa chị T và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai bên không có tiếng nói chung nên đã nhiều lần vợ chồng bất hoà dẫn đến cải vã, xung đột. Hiện nay vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị T. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị T và anh S không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn S có 03 người con chung tên là Trần Thúy P, sinh ngày 09/4/2007, Trần Thúy K, sinh ngày 16/4/2009 và Trần Tú U, sinh ngày 01/10/2017. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu P và cháu K đã hơn 08 tuổi và có đơn trình bày nguyện vọng được ở với ba Trần Văn S trong trường hợp ba mẹ phải ly hôn nhau. Chị T cũng thống nhất giao hai con chung tên P và K cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Tú U cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai cháu Trần Thúy P và cháu Trần Thúy K đang sống với ba, đồng thời đang học tập tại địa phương nơi các cháu sinh sống, cháu Trần Tú U đang sống với mẹ, để tránh gây xáo trộn về tâm lý của cả 03 cháu và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần, điều kiện học tập của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao hai cháu P và cháu K cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Tú U cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, hoặc đến khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng đối với con chung Trần Tú U và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thúy P và cháu Trần Thúy K do anh Trần Văn S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Trần Văn S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn S.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trần Tú U, sinh ngày 01/10/2017 cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Giao 02 con chung tên Trần Thúy P, sinh ngày 09/4/2007, Trần Thúy K, sinh ngày 16/4/2009 cho anh Trần Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn S đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0003226 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2022). Riêng bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã L
(ĐKKH số 05/01 – 02 – 2006);
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng